

Vai trò giới trong động cơ và quyết định di cư

Phạm Thị Huệ

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào dữ liệu của Đề tài “Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn ra các thành phố và các vùng phụ cận: nghiên cứu trường hợp Hà Nội” do Viện Gia đình và Giới tiến hành tại Hà Nội năm 2008, bài viết xem xét mối liên quan giữa vai trò giới với động cơ và quyết định di cư. Kết quả nghiên cứu cho thấy di cư tự do lên Hà Nội kiếm việc làm là cách thức mà rất nhiều hộ gia đình ở vùng nông thôn Việt Nam đã làm để đối phó với nghèo đói. Trong các yếu tố ảnh hưởng thì nhóm tuổi và hôn nhân có tác động đáng kể đến việc di cư. Nam giới thường độc lập hơn và tự chủ hơn trong việc khởi xướng và quyết định di cư trong khi phụ nữ di cư là do người khác gợi ý và thường được bàn bạc và quyết định bởi gia đình và người chồng. Phụ nữ thường di cư gần quê nhà hơn so với nam giới. Khó khăn lớn nhất mà người di cư phải đối diện trước khi quyết định di cư là thu xếp việc chăm sóc con cái, trong đó phụ nữ gặp khó khăn nhiều hơn nam giới. Nhìn chung những người đã kết hôn di cư thường gặp khó khăn nhiều hơn người chưa kết hôn.

Từ khóa: Di cư nông thôn - thành thị; Vai trò giới trong di cư ; Động cơ di cư.

1. Đặt vấn đề

Vai trò giới là những qui định, niềm tin mang tính văn hoá và xã hội về hành vi và tình cảm của nam giới và phụ nữ (Anselmi và Law, 1998:195). Trong các xã hội nói chung, phụ nữ thường đảm nhận các vai trò như: tái

sản xuất; sản xuất; hoạt động cộng đồng. Trong khi đó, nam giới thường đảm nhận các vai trò sản xuất và hoạt động quản lý cộng đồng. Do phải đảm nhận vai trò tái sản xuất như sinh đẻ, chăm sóc con cái, nội trợ cho nên phụ nữ thường chọn những công việc tạo thu nhập gần nơi sinh sống của gia đình để có thể kết hợp vai trò sản xuất với tái sản xuất của mình. Trong di cư, phụ nữ thường gặp khó khăn hơn nam giới trong quyết định di cư do vai trò tái sản xuất của mình.

Số liệu các cuộc điều tra lớn ở Việt Nam đã cho thấy phụ nữ di cư ngày càng gia tăng. Theo Tổng điều tra dân số 1989, nam giới chiếm tới 57,2% tổng số người di cư và phụ nữ chỉ chiếm 42,8%, ít hơn 14,4% so với nam giới. Sau đó 10 năm, kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999 cho thấy số lượng nam giới và phụ nữ di cư đã xấp xỉ gần bằng nhau (nam giới: 51,0% và phụ nữ: 49,0%). Sau đó 5 năm, kết quả Điều tra giữa kỳ năm 2004 với trọng tâm là điều tra di cư Việt Nam cho thấy số lượng phụ nữ di cư đã vượt nam giới, chiếm tới 56,9% tổng số người di cư, trong khi nam giới chỉ chiếm 43,0%, ít hơn 13,9% so với phụ nữ. Như vậy, năm 2004, tỷ lệ phụ nữ di cư so với tổng số người di cư gần giống như tỷ lệ nam giới di cư cách đây 15 năm. Số liệu cuộc điều tra này chỉ rõ tỷ trọng những người di cư chưa kết hôn lần nào cao hơn 2 lần những người không di cư. Điều này cho thấy việc kết hôn và những vai trò mà phụ nữ nam giới đảm nhận trong gia đình có thể có ảnh hưởng đến quyết định di cư của họ.

Bài viết sẽ xem xét mối liên quan giữa vai trò giới, chiến lược đối phó với nghèo đói của hộ gia đình và quyết định di cư. Các vấn đề này sẽ được phân tích trong tương quan với các yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc di cư như giới tính, học vấn, độ tuổi và tình trạng hôn nhân. Dữ liệu được phân tích trong bài viết này được rút ra từ Đề tài “Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn ra các thành phố và các vùng phụ cận: nghiên cứu trường hợp Hà Nội” do Viện gia đình và Giới tiến hành tại Hà Nội năm 2008 với số mẫu: 700 bảng hỏi, 65 phỏng vấn sâu, 2 thảo luận nhóm và 5 người cung cấp thông tin chủ chốt. Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu ở 4 phường: Phúc xá, Phúc Tân, Ô Chợ Dừa và Bạch Mai - thành phố Hà Nội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Động cơ di cư

Khi được hỏi “vì sao anh/chị lại quyết định đi tìm việc làm tại Hà Nội” thì những lý do mà người trả lời đưa ra thường mang tính kinh tế và chiếm

Bảng 1. Lý do di cư ra Hà Nội

Lý do	Tỷ lệ %
Hy vọng cải thiện kinh tế	54,3
Thu nhập thấp, nghèo túng, nợ nần	45,4
Thiếu đất canh tác/không có đất	44,1
Thời gian nông nhàn nhiều	19,4
Vì tương lai của con cái và gia đình	18,1
Chi em/anh em bạn bè rủ đi	10,7
Mong muốn được nâng cao hiểu biết	5,1
Kiểm tiền là bổn phận của người chồng	3,1
Kiểm tiền là bổn phận của người vợ	0,3
Đi theo vợ/chồng	2,6
Đổ vỡ gia đình, gia đình lục đục	0,9
Nghe đài báo tivi thấy đô thị hấp dẫn	0,6
Hy vọng gặp vợ/chồng tốt hơn ở quê	0,6
Khác	9,6

tỷ lệ cao như hy vọng cải thiện kinh tế (54,3%); thu nhập thấp, nghèo đói, nợ nần (45,4%); thiếu đất canh tác/không có đất (44,1%). Những lý do mang tính phi kinh tế như anh chị em bạn bè rủ đi (10,7%), nâng cao hiểu biết (5,1%), v.v.. có tỷ lệ không đáng kể (Bảng 1). Như vậy, di cư tìm kiếm việc làm ở Hà Nội là cách thức mà rất nhiều người dân sống ở vùng nông thôn đã làm để đối phó với nghèo đói.

Khi xem xét tương quan giữa lý do di cư vì thu nhập quá thấp và nghèo túng, nợ nần (chiếm 45,4% số người trả lời) với các yếu tố giới tính, học vấn, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân của người trả lời thì kết quả cho thấy không có sự khác biệt nào liên quan đến giới tính và học vấn. Như vậy là để đối phó với nghèo đói, những người di cư tự do từ những hộ gia đình ở nông thôn có thể là bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình, không phân biệt nam hay nữ, người có học vấn thấp hay người có học vấn cao.

Tuy nhiên có sự khác biệt đáng kể giữa người chưa kết hôn và người đã kết hôn. Đối với người chưa kết hôn, di cư vì lý do nghèo đói ít hơn nhiều so với các lý do khác-không phải là nghèo đói. Ví dụ, tỷ lệ người

Bảng 2. Tình trạng hôn nhân hiện nay và di cư do nghèo đói (%)

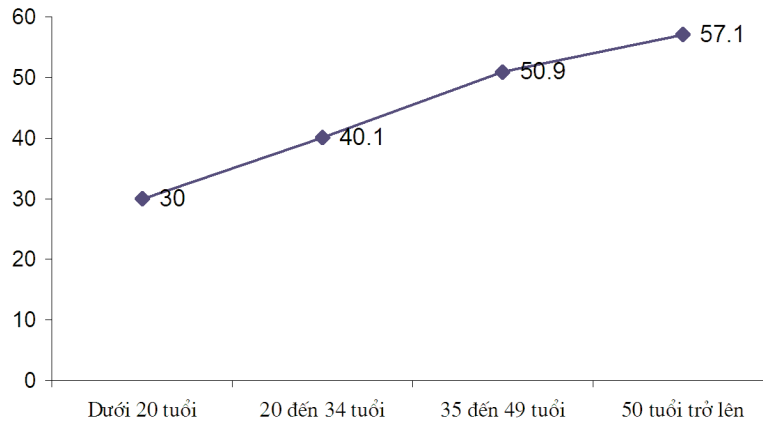
Tình trạng hôn nhân hiện nay	Di cư do thu nhập quá thấp, nghèo túng, nợ nần		
	Có	Không	Tổng
Chưa kết hôn	11,9	27,5	20,4
Đã kết hôn	82,4	69,6	75,4
Ly hôn, ly thân, goá, sống thử, kết hôn lại	5,7	2,9	4,1
Tổng	100,0	100,0	100,0

chưa kết hôn di cư vì nghèo đói là 11,9%, chỉ bằng gần một nửa tỷ lệ người chưa kết hôn di cư không phải vì lý do nghèo đói (27,5%). Ngược lại, những người đã kết hôn di cư vì lý do nghèo đói cao hơn gấp 1,2 vì các lý do khác, cụ thể 82,4% so với 69,6% (Bảng 2). Như vậy, yếu tố hôn nhân có ảnh hưởng đến việc di cư vì lý do nghèo đói.

Ảnh hưởng của yếu tố hôn nhân đến việc di cư vì nghèo đói còn thể hiện ở sự khác biệt giữa các nhóm tuổi người di cư. Như đã nêu, tỷ lệ người di cư lên Hà Nội tìm việc làm vì thu nhập quá thấp và nghèo túng, nợ nần là 45,4% , tuy nhiên, tỷ lệ này ở nhóm tuổi khác nhau là rất khác nhau. Số người di cư tự do lên Hà Nội vì lý do nghèo đói tỷ lệ thuận với tuổi. Tuổi càng cao thì tỷ lệ người di cư lên Hà Nội vì lý do nghèo đói càng tăng. Ở lứa tuổi dưới 20, chỉ 30,0% người trả lời rằng họ di cư vì thu nhập quá thấp, nghèo túng, nợ nần. Tỷ lệ này ở nhóm 20-34 tuổi, 35-49 tuổi và 50 tuổi trở lên lần lượt là 40,1%, 50,9% và 57,1%. Như vậy, ở nhóm cao nhất: 50 tuổi trở lên thì người di cư vì nghèo đói cũng đạt tỷ lệ cao nhất, cao gần gấp đôi tỷ lệ này ở nhóm trẻ nhất: dưới 20 tuổi (Biểu đồ 1).

Ở nông thôn Việt Nam, những người ở nhóm tuổi lớn hơn thường là những người đã có gia đình. Trong hoàn cảnh nghèo túng, trách nhiệm của người cha/người mẹ, người vợ/người chồng đối với gia đình và con cái có thể đã thôi thúc họ phải di cư để kiếm sống cho gia đình. Một phụ nữ di cư tâm sự: *“Đi lên đây gánh, những cái hôm đầu ấy, sữa nó căng lên, người ta đi người ta va vào còn phát khóc lên. Nhưng mà nghĩ kinh tế không có, đành nghiêng răng, thương con lắm nhưng không làm thế nào được.”* (PVS, nữ di cư, 33 tuổi). Một nam giới di cư cho biết *“Em đi làm nhiều nơi chỉ vì cuộc sống, ở quê chỉ có 2 sào ruộng, vợ chồng em không*

Biểu đồ 1. Tỷ lệ di cư do nghèo đói theo nhóm tuổi (%)

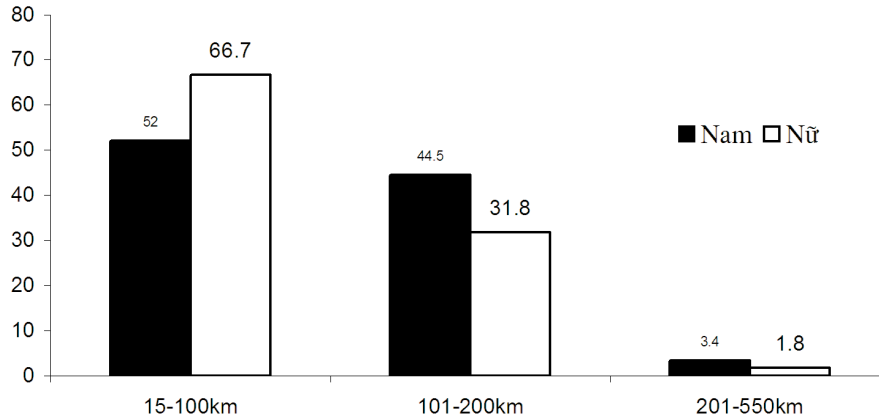


có việc làm thêm, tất tạt tận tâm chỉ có sào ruộng, chỉ làm 3 tháng, còn lại không làm ăn gì, nên không có cho các cháu ăn học. Rồi lại tập quán cưới xin, giỗ chạp, các khoản đều cần có tiền, nên không làm gì thì chịu chết, bắt buộc phải đi làm.” (PVS, nam di cư).

Liên quan đến vai trò giới, khi được hỏi về bổn phận kiếm tiền của người vợ/người chồng trong gia đình thì số người trả lời kiếm tiền là bổn phận của người chồng cao gấp 10 lần số người trả lời kiếm tiền là bổn phận của người vợ: 3,1% so với 0,3% (Bảng 1). Đặc biệt, những người trả lời là nam giới cho rằng việc kiếm tiền là bổn phận của người chồng và không ai trong số họ cho rằng việc kiếm tiền là bổn phận của người vợ thì số liệu cũng cho thấy không có người phụ nữ nào cho rằng việc kiếm tiền là bổn phận của người chồng. Điều này cho thấy phụ nữ nông thôn di cư coi việc kiếm tiền không chỉ là trách nhiệm của nam giới mà còn là trách nhiệm của phụ nữ.

Câu hỏi đặt ra ai là người trong gia đình có thể di cư lên Hà Nội kiếm việc làm. Vấn đề này hầu như không phụ thuộc vào giới tính nam nữ cũng như học vấn của người di cư tự do mà phụ thuộc vào các yếu tố khác. Thứ nhất là cơ hội việc làm. Trong gia đình ai có thể có cơ hội có việc làm ở thị trường Hà Nội thì người ấy có thể đi. “*Bây giờ ai có cơ hội thì kiếm*

Biểu đồ 2. Tỷ lệ nam và nữ theo khoảng cách di cư (%)



tiền, không phân biệt nam nữ nữa. Anh ấy mà có đi, thì cũng không thể đi gánh ngô luộc để bán như em được. Làng em phụ nữ chỉ làm nghề này thôi nên phụ nữ thường rủ nhau đi nhiều hơn.” (PVS, nữ di cư, 34 tuổi). Thứ hai là ai có thể đem lại nguồn lợi kinh tế lớn nhất cho gia đình và ít nguy cơ nhất cho hạnh phúc của gia đình thì người ấy có thể di cư. Một phụ nữ di cư tâm sự: “Em nghĩ đàn ông đi tiêu hết, mình ở nhà vừa khổ, vừa khó khăn mà lúc anh ấy về tiêu hết tiền thì cũng bằng không. [...] Em cũng tin chồng em, nhưng mà cũng không nói trước được, vì em đã thấy lên đây có nam giới đi bỏ bịch rồi sao nhãng tiền gửi cho vợ.” (PVS, nữ di cư, 38 tuổi). Thứ ba là sự phân công trách nhiệm giữa người vợ và người chồng trong gia đình. “Đàn bà đi rồi thì đàn ông phải trông coi nhà cửa chứ. Đi hết rồi để nhà cửa tan hoang à. Con cái để cho ai?” (PVS, nữ di cư, 26 tuổi); “Cũng không biết làm sao, công việc nó vậy nên quyết định hai vợ chồng một người đi làm ăn, còn một người thì ở nhà nuôi con” (PVS, nam di cư, 38 tuổi). Thứ tư là sự giúp đỡ của người thân trong gia đình. Ai có người trợ giúp các công việc gia đình thì người ấy có thể ra đi, kể cả trong trường hợp cả hai vợ chồng cùng di cư để lại con nhỏ cho bố mẹ chăm sóc. Một phụ nữ di cư cho biết “Khi nhà em về thì bảo là bây giờ cấy hái thế này cũng chả được bao nhiêu, thôi hai vợ chồng tập trung lên đây làm thì ông bà ngoại em bảo thôi điều kiện khó khăn thế thì mẹ cai sữa cho con

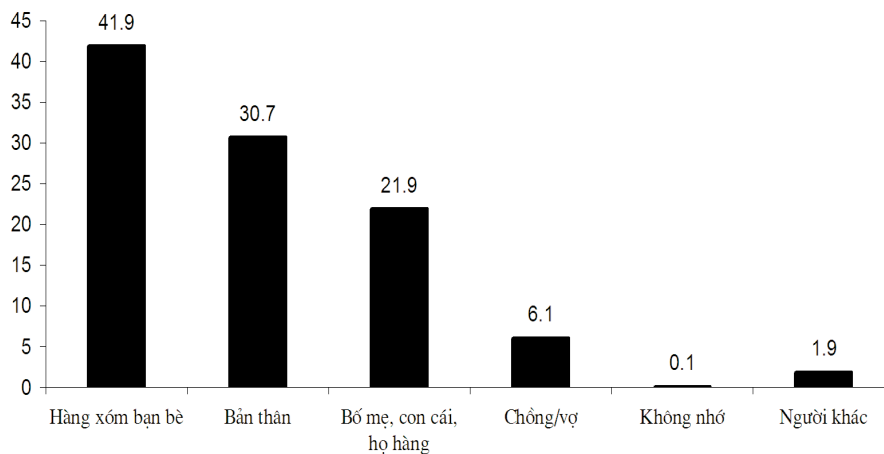
xong thì hai vợ chồng bảo nhau mà đi làm.” (PVS, nữ di cư, 33 tuổi).

Tuy phụ nữ đã có thể di cư, sống xa gia đình, xa chồng con để kiếm thu nhập nhưng phụ nữ vẫn không thể đi xa gia đình như nam giới. Số liệu cho thấy với khoảng cách di cư từ 15-100 km thì tỷ lệ phụ nữ di cư nhiều hơn nam giới: 66,7% so với 52%. Tuy nhiên với khoảng cách di cư dài hơn thì tỷ lệ phụ nữ di cư lại ít hơn đáng kể so với nam giới. Với khoảng cách di cư từ 101-200 km và 201-500 km thì tỷ lệ phụ nữ di cư tương ứng là 31,8% và 1,8%. Tỷ lệ này ở nam giới là 44,5% và 1,8% (Biểu đồ 2).

Nguyên nhân khiến phụ nữ không thể di cư xa như nam giới chính là do vai trò giới của mình. Trách nhiệm đối với công việc nội trợ, chăm sóc con cái đã khiến cho phụ nữ không thể di cư “*chuyên nghiệp*” như nam giới với hàm ý là nam giới có thể di cư với khoảng cách xa hơn và với khoảng thời gian không về thăm gia đình lâu hơn.

Một nam giới di cư làm ăn ở Hà Nội cho biết: “*Lúc đầu nhà em hỏi thì em cũng không đồng ý đâu. [...]. Nhưng sau em cũng phải đồng ý với điều kiện là chỉ đi làm ở Nam Định cho gần nhà, đi theo đợt thôi thỉnh thoảng phải về nhà. [...] Từ thành phố về nhà cũng chỉ 30-40 km nên cũng tiện hơn em. Chỉ là mấy chị em trong làng tranh thủ lúc nông nhàn đi kiếm việc để tăng thu nhập thôi chứ không “chuyên nghiệp” như em đâu.*” (PVS, nam di cư, 31 tuổi).

Biểu đồ 3. Người khởi xướng di cư (%)



2.2. Quyết định di cư

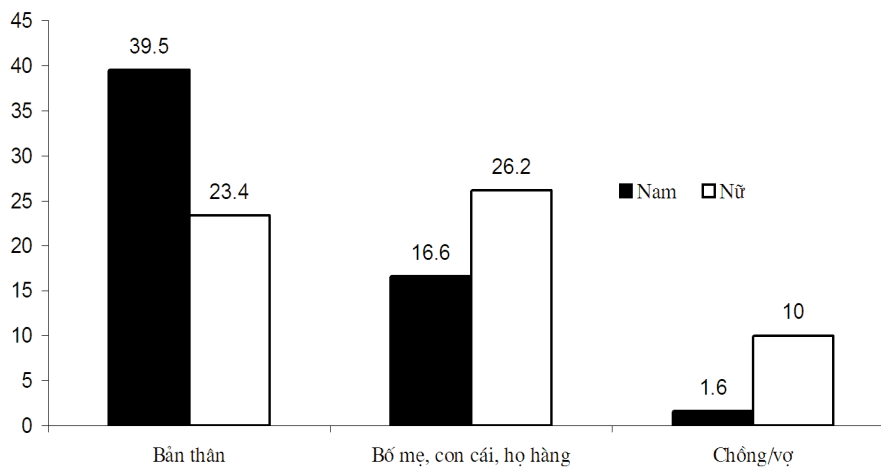
Người khởi xướng di cư

Trong nghiên cứu này, người khởi xướng di cư là hàng xóm/bạn bè chiếm tỷ lệ cao nhất (41,9%), tiếp theo là bản thân người di cư với tỷ lệ 30,7%, người thân trong gia đình khởi xướng di cư chiếm tỷ lệ không đáng kể: bố mẹ/con cái/họ hàng: 21,9%; chồng/vợ: 6,1% (Biểu đồ 3).

Xem xét tương quan giữa người khởi xướng di cư với các yếu tố giới tính, học vấn, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân của người trả lời, số liệu cho thấy không có sự khác biệt nào liên quan đến học vấn, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân của người trả lời. Một khác biệt duy nhất được nhận thấy là khác biệt liên quan đến giới tính của người trả lời và chỉ trong trường hợp người khởi xướng di cư là chính bản thân người di cư hay là người thân trong gia đình. Nếu người khởi xướng là hàng xóm/bạn bè hay người khác thì cũng không có sự khác biệt nào liên quan đến giới tính.

Biểu đồ 4 cho thấy có đến 39,5% nam giới trả lời rằng chính bản thân họ là người gợi ý di cư, cao gấp 1,7 lần phụ nữ. Hơn nữa, rất ít nam giới cho rằng họ di cư là do người thân trong gia đình gợi ý. Ví dụ, chỉ có 16,6% nam giới cho rằng họ di cư là do bố mẹ/con cái/họ hàng gợi ý; trong khi

Biểu đồ 4. Người khởi xướng di cư theo giới tính người trả lời (%)



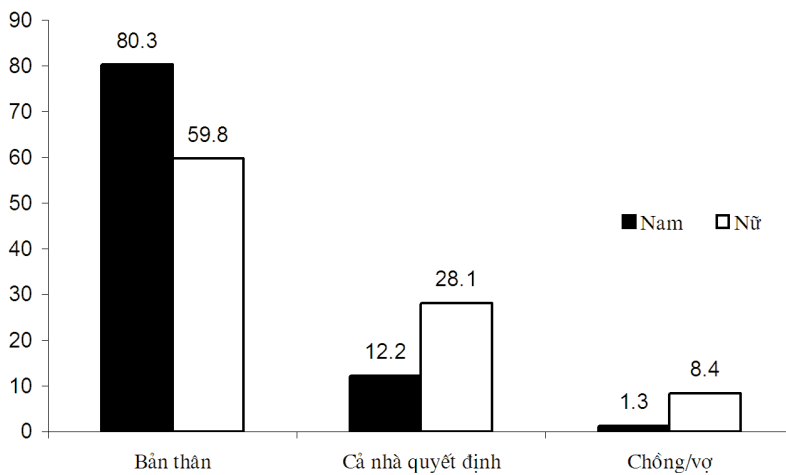
đó, tỷ lệ này ở phụ nữ là 26,2%. Hay chỉ có 1,6% nam nói rằng họ di cư là do người vợ của mình gợi ý, tỷ lệ này ở phụ nữ là 10%, cao gấp 6 lần nam giới. Như vậy, nam giới thường độc lập hơn và chủ động hơn trong việc đề xuất di cư. Ngược lại, phụ nữ lại thường bị động hơn trong việc này.

Người quyết định việc di cư

Điều tra di cư Việt nam 2004 cho thấy phần lớn người di cư Việt Nam không hoàn toàn tự mình đưa ra quyết định di cư. Quyết định di cư của họ có sự tham gia của các thành viên gia đình. Khoảng 2/3 nam giới và 80% phụ nữ di cư nói là đã có người khác tham gia vào quyết định di cư của họ (UNFPA, 2007). Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, đa số người di cư tự do lên Hà Nội là do họ tự quyết định, chiếm tới 69,1%; người di cư bàn bạc cùng với gia đình quyết định chỉ chiếm 20,9%; người khác quyết định thay họ chiếm tỷ lệ không đáng kể như chồng/vợ: 5,1%; bố mẹ: 3,3%; người khác: 0,3% (Biểu đồ 5).

Xem xét tương quan giữa người quyết định di cư với các yếu tố giới tính, học vấn, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân của người trả lời, kết quả cho thấy học vấn và nhóm tuổi của người trả lời hầu như không có ảnh hưởng gì đến người quyết định di cư. Nhưng yếu tố giới tính và tình trạng hôn nhân của người trả lời lại có ảnh hưởng đáng kể. Khác biệt liên quan

Biểu đồ 5. Người quyết định việc di cư (%)

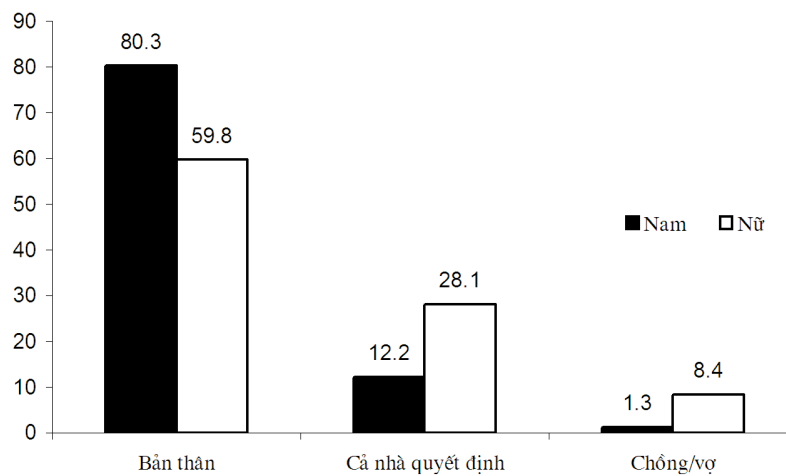


đến giới tính của người trả lời được nhận thấy trong các trường hợp người quyết định di cư chính là bản thân họ, hay cả nhà cùng bàn bạc quyết định hay vợ/chồng của họ quyết định.

Biểu đồ 6 cho thấy có tới 80,3% nam giới trả lời họ di cư là do chính bản thân họ tự quyết định; trong khi đó, tỷ lệ này ở phụ nữ là 59,8%, ít hơn nam giới đến 20,5 điểm %. Trong khi đó, chỉ có 12,2% nam giới trả lời cả gia đình cùng tham gia bàn bạc quyết định việc di cư của họ, tỷ lệ này ở phụ nữ là 28,1%, cao gấp 2,3 lần nam giới. Đặc biệt, chỉ có 1,3% nam giới cho rằng họ di cư là do vợ của mình quyết định, nhưng có tới 8,4% phụ nữ cho rằng họ di cư là do chồng của mình quyết định. Như vậy, nam giới tự mình quyết định di cư nhiều hơn phụ nữ. Sự tham gia của gia đình hay người vợ vào quyết định di cư của nam giới là không đáng kể. Ngược lại, phụ nữ tự quyết định di cư ít hơn nam giới. Sự tham gia của gia đình và người chồng vào quyết định di cư của phụ nữ nhiều hơn nam giới. Điều này có thể liên quan đến quyền quyết định của người chồng trong gia đình. Nhiều nghiên cứu đã chỉ rõ người chồng là người có tiếng nói quyết định trong các công việc gia đình, quyền quyết định của phụ nữ tuy đã cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế (Phạm Thị Huệ, 2007; Đỗ Thị Bình, 2001).

Lý do khiến nam giới tự do hơn, tự quyết hơn trong quyết định di cư,

Biểu đồ 6. Người quyết định việc di cư theo giới tính người trả lời (%)

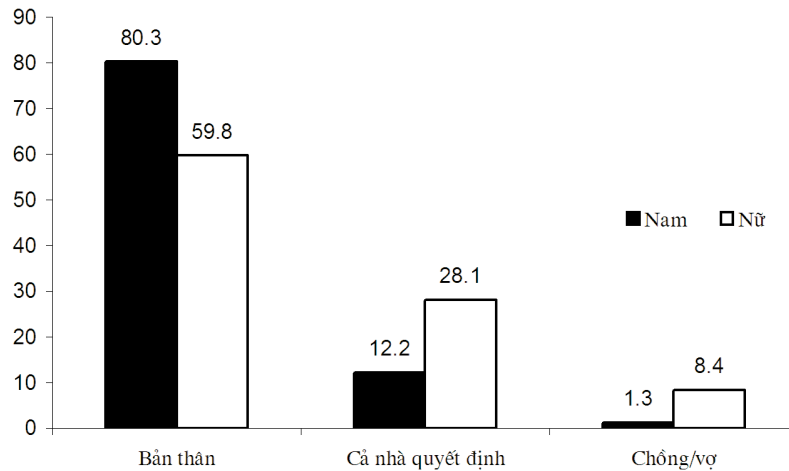


một mặt là do họ có quyền quyết định nhiều hơn trong gia đình. Mặt khác, nam giới không bị ràng buộc với công việc nhà như phụ nữ cho nên họ tự do hơn trong việc ra quyết định di cư, thậm chí không cần bàn bạc với vợ. Một nam di cư 40 tuổi cho biết “*quyết định là đi luôn chứ không có bàn bạc gì với vợ*”.

Khác với nam giới, phụ nữ khó có thể tự mình ra quyết định di cư vì vai trò tái sản xuất của mình. Phụ nữ thường phải thương thuyết với các thành viên khác trong gia đình và nhờ người đảm nhận vai trò nội trợ và chăm sóc con cái thay cho họ khi họ di cư. Cho dù họ có thể tự thu xếp công việc gia đình và tự quyết định nhưng ít nhất họ vẫn cần nhận được sự đồng ý của chồng cho phép họ di cư hay cho phép người khác làm thay công việc nhà của họ. Một phụ nữ di cư cho biết: “*Đây là quyết định của em. Chồng em không cho em đi vì con em còn nhỏ nhưng mà em quyết định là em phải ra đi. [...] Chồng em về sau cũng đồng ý. [...] Nếu chồng em không đồng ý thì em cũng không đi. Nhưng mà em sẽ thuyết phục để đi vì em nghĩ sống mãi trong nợ nần thì khổ lắm.*” (PVS, nữ di cư, 34 tuổi).

Xem xét tương quan giữa người quyết định di cư và tình trạng hôn nhân của người trả lời thì kết quả cho thấy người chưa kết hôn tự bản thân mình quyết định di cư nhiều hơn người đã kết hôn (78,3% so với 65,7%). Việc di cư của người đã kết hôn được bàn bạc và quyết định bởi gia đình nhiều hơn người chưa kết hôn (24,8% so với 9,1%). Điều này có thể hiểu được vì những người đã kết hôn thường đóng vai trò nhất định đối với gia đình cho nên việc di cư của họ thường được bàn bạc trong gia đình để tìm giải pháp cho những vai trò mà họ có thể không thực hiện khi họ đã di cư. Tuy nhiên, cha mẹ tham gia vào quyết định di cư của người con chưa kết hôn nhiều hơn người con đã kết hôn (8,4% so với 1,9%). Lý do có thể là con cái chưa kết hôn thường sống chung với cha mẹ cho nên cha mẹ dễ dàng tham gia vào quyết định di cư của con cái. Hơn nữa, trong mắt cha mẹ, một người con mới lớn, chưa lập gia đình thường “*nông nổi*”, “*bông bột*”, “*chưa có kinh nghiệm*” và “*dễ bị lôi kéo*” cho nên cha mẹ thấy mình phải có trách nhiệm và cần thiết phải tham gia vào quyết định di cư của những người con này. Một nam giới di cư cho biết: “*Đầu tiên là cũng không cho đi nhưng cuối cùng em thuyết phục bố mẹ lại cho đi. [...] Ông bà em ngại, sợ chúng em mới lớn ra ngoài xã hội không có người kèm cặp, dễ bị xã hội người ta lôi kéo. Tốt ít xấu nhiều. Sợ chúng em thanh niên nông nổi nên*

Biểu đồ 7. Người quyết định di cư theo tình trạng hôn (%)



đễ bị lôi kéo.” (PVS, nam di cư, 38 tuổi)

Khó khăn trước quyết định di cư

Nghiên cứu này cho thấy đa số người di cư tự do lên Hà Nội gặp khó khăn trước khi quyết định di cư. Có khoảng 2/3 tổng số người trả lời, tương đương với 65,6% nói là họ gặp khó khăn trước quyết định di cư lên Hà Nội. Số người không gặp khó khăn chỉ chiếm 34,4%. Phụ nữ gặp khó khăn nhiều hơn nam giới (59,7% so với 40,3%). Người đã kết hôn gặp khó khăn nhiều hơn người chưa kết hôn (79,5% so với 15,3%). Nhóm tuổi gặp khó khăn nhiều nhất là nhóm từ 35-49 tuổi với tỷ lệ 71,6%; tiếp đến là nhóm 50 tuổi trở lên với tỷ lệ 65,1%, nhóm 20-34 tuổi với tỷ lệ 63,1%; cuối cùng là nhóm dưới 20 tuổi với tỷ lệ 42,5%. Nhóm tuổi trẻ nhất là nhóm gặp ít khó khăn nhất.

Trong những khó khăn mà người di cư phải đối mặt trước khi di cư lên Hà Nội thì khó khăn lớn nhất thường liên quan đến con cái như lo lắng vì con còn bé: 34,9% (chiếm tỷ lệ cao nhất); lo lắng cho việc học hành của con cái: 20,7% (chiếm tỷ lệ cao thứ ba). Tiếp theo là những khó khăn liên quan đến công việc ở điểm đến như lo không có hiểu biết về nghề nên sợ không làm được: 26,8%; lo không có đủ tiền làm vốn: 19,4%. Sau đó là

Bảng 3. Khó khăn trước quyết định di cư lên Hà Nội

Khó khăn trước quyết định di cư	Tỷ lệ %
Con còn bé	34,9
Không có hiểu biết về nghề nên sợ không làm được	26,8
Lo lắng cho việc học hành của con cái	20,7
Không có đủ tiền làm vốn	19,4
Gia đình quá lo lắng, không đồng ý cho đi	18,5
Không có thông tin nơi đến và việc làm	7,8
Vợ chồng không đồng ý, không tin tưởng	6,1
Cha mẹ già ốm yếu	6,1
Lo sợ phải sống ở Hà Nội không có ai quen	5,2
Chồng/vợ/con ốm đau liên tục	2,4
Làng xóm dị nghị	1,1
Không được cấp giấy tạm vắng	0,4
Khác	3,5

khó khăn liên quan đến gia đình như gia đình quá lo lắng không đồng ý cho đi: 18,5%. Những khó khăn khác chiếm tỷ lệ không đáng kể (Bảng 3).

Tương quan giữa những khó khăn trước khi quyết định di cư lên Hà Nội với học vấn không cho thấy có sự khác biệt nào. Nhưng ở một số khó khăn cũng cho thấy những khác biệt theo nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân, giới tính. Ví dụ như khác biệt về nhóm tuổi thể hiện ở khó khăn: gia đình quá lo lắng không đồng ý cho đi (Bảng 3, mục 5). Khác biệt về tình trạng hôn nhân và giới tính chỉ liên quan đến một khó khăn duy nhất là: con còn bé (Bảng 3, mục 1). Trong các trường hợp còn lại thì hầu như không thấy có sự khác biệt nào theo nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân và giới tính.

Về khó khăn “gia đình quá lo lắng không đồng ý cho đi”, số liệu cho thấy khó khăn này luôn tỷ lệ nghịch theo nhóm tuổi. Nhóm tuổi càng trẻ thì khó khăn “gia đình quá lo lắng không đồng ý cho đi” càng tăng. Nhóm tuổi càng lớn thì khó khăn này càng giảm. Ở nhóm tuổi trẻ nhất: dưới 20

tuổi có tới 41,2% người di cư nói họ gặp khó khăn vì gia đình quá lo lắng không đồng ý cho di cư và chiếm tỷ lệ cao nhất. Tỷ lệ này giảm gần 1/2, còn 24,4% ở nhóm 20-34 tuổi và lại giảm tiếp 2/3, còn 12,3% và 12,2% tương ứng với nhóm 35-49 tuổi và nhóm 50 tuổi trở lên. Điều này có thể là những người di cư ở nhóm tuổi trẻ nhất thường chưa kết hôn mà nhóm chưa kết hôn theo phân tích ở trên thì cha mẹ thường hay tham gia vào quyết định di cư của người con chưa kết hôn, cho nên khó khăn mà nhóm tuổi trẻ nhất gặp phải là gia đình quá lo lắng không đồng ý cho đi.

Về khó khăn “con còn bé” thì hầu hết những người đã kết hôn nói “con còn bé” là khó khăn mà họ phải đối mặt trước quyết định di cư lên Hà Nội. Phụ nữ lo lắng cho con còn bé nhiều hơn nam giới. Tỷ lệ phụ nữ lo lắng cho con còn bé trước khi di cư cao gấp 3 lần nam giới (76,3% so 23,8%). Với vai trò chăm sóc con cái, phụ nữ quyết định ra đi làm ăn để lại đứa con còn nhỏ ở nhà cho người khác chăm sóc thì đây quả là một quyết định không dễ dàng đối với họ. Chính vì miếng cơm manh áo, vì tương lai sau này của con cái, họ mới dứt lòng ra đi. Một phụ nữ di cư tâm sự: *“Cái khổ tâm nhất của phụ nữ chúng em là phải xa các con, nhất là cháu út nhà em mới có 3 tuổi. Nhiều đêm nằm ở Hà Nội nhớ các cháu quá, cũng phải khóc thầm đấy, nhưng lại nghĩ mình phải chịu đựng vì chồng con thôi.”* (PVS, nữ di cư, 35 tuổi). Thậm chí, có phụ nữ còn cảm thấy có lỗi khi họ không thể hoàn thành vai trò chăm sóc con cái của mình. *“Muốn cho con đầy đủ thì phải đi làm ăn xa, mà đi làm ăn xa thì lại không quan tâm đến chuyện hàng ngày của con được. Chỉ mong sau này con cái lớn lên hiểu được tấm lòng của mình là được.”* (PVS, nữ di cư, 27 tuổi).

Giải quyết khó khăn

Để giải quyết những khó khăn trước khi quyết định di cư, chỉ có 12,9% người trả lời là không làm gì cả, mặc kệ, cứ đi, muốn ra sao thì ra; số còn lại cố gắng tìm cách khắc phục. Cụ thể: 28,8% thuyết phục cha mẹ, vợ chồng chấp nhận; 20,3% tìm cách học hỏi để có thể làm được; 17,0% nhờ cậy họ hàng chăm sóc con cái, nhà cửa; 13,3% liên hệ với người làng/người quen đang ở Hà Nội nhờ giúp đỡ và chỉ dẫn công việc hoặc nơi ở; 9,4% vay tiền, thu xếp tiền cầm đi theo; 8,9% chạy vay vay tiền; 6,5% xin đi làm tạm một thời gian trước, tốt thì tiếp tục; 2,2% thuyết phục chồng/vợ cùng di cư; và chỉ có 1,3% đưa con đi theo (Bảng 4).

Những người di cư tự do lên Hà Nội có xu hướng giải quyết khó khăn

Bảng 4. Giải quyết khó khăn trước khi di cư lên Hà Nội

Giải quyết khó khăn trước khi di cư	Tỷ lệ %
Thuyết phục cha mẹ, vợ chồng chấp nhận	28,8
Tìm cách học hỏi để có thể làm được	20,3
Nhờ cậy họ hàng chăm sóc con cái, nhà cửa	17,0
Liên hệ với người làng/người quen đang ở Hà Nội nhờ giúp đỡ và chỉ dẫn công việc hoặc nơi ở	13,3
Mặc kệ, cứ đi, muốn ra sao thì ra	12,9
Vay tiền, thu xếp tiền cầm đi theo	9,4
Chạy vay vay tiền	8,9
Xin đi làm tạm một thời gian trước, tốt thì tiếp tục	6,5
Thuyết phục chồng/vợ cùng di cư với nhau	2,2
Đưa con đi theo để tiện trông nom/học hành	1,3
Khác	6,5

trước khi di cư ngay tại quê nhà. Tỷ lệ người chọn giải pháp “đưa con đi theo để tiện trông nom/học hành” chiếm tỷ lệ ít nhất, chỉ có 1,3% tổng số người trả lời. Theo họ thì “để ở quê thôi, mang lên đây còn đi làm nữa thì ai trông con cho mà đi, ít người đem con theo lắm. Lên đây làm lưng vất vả còn lại đèo bồng thêm trẻ con thì làm sao có thời gian mà đi kiếm tiền được. Rồi con ăn uống học hành. Để con ở nhà thì mình mới yên tâm làm ăn chứ.” (PVS, nữ di cư, 35 tuổi).

Xem xét việc giải quyết khó khăn trước khi quyết định di cư lên Hà Nội với giới tính, học vấn, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân thì hầu như không có sự khác biệt nào liên quan đến các yếu tố này. Chỉ có một khác biệt duy nhất liên quan giới tính trong trường hợp giải quyết khó khăn là “nhờ cậy họ hàng chăm sóc con cái, nhà cửa” (Bảng 4, mục 3). Phụ nữ nhờ cậy họ hàng chăm sóc con cái, nhà cửa cao gấp 3 lần nam giới (75,6% so với 24,4%). Lại một lần nữa ta thấy ảnh hưởng của vai trò giới đối với việc di cư của phụ nữ. Trước khi quyết định di cư, phụ nữ thường nhờ cậy họ hàng làm thay vai trò chăm sóc con cái, nhà cửa để họ có thể yên tâm di cư.

3. Kết luận

Di cư tự do lên Hà Nội kiếm việc làm là cách thức mà rất nhiều hộ gia đình ở vùng nông thôn Việt Nam đã làm để đối phó với nghèo đói. Trong các yếu tố ảnh hưởng thì yếu tố giới tính và học vấn hầu như không có ảnh hưởng gì đến việc di cư vì nghèo đói, nhưng yếu tố tuổi và hôn nhân lại có ảnh hưởng đáng kể. Di cư vì nghèo đói tăng theo tuổi. Trong hoàn cảnh nghèo đói, trách nhiệm của người đã kết hôn đối với gia đình và con cái đã buộc họ phải di cư để kiếm sống cho gia đình. Người di cư từ hộ gia đình có thể là người có cơ hội việc làm ở Hà Nội, người có thể mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và rủi ro ít nhất cho gia đình và người được người thân trong gia đình đồng ý gánh vác các vai trò mà họ thực hiện trong gia đình. So với nam giới, phụ nữ di cư gần hơn do vai trò tái sản xuất của mình.

Nam giới thường độc lập hơn và tự chủ hơn trong việc khởi xướng và quyết định di cư. Nhiều phụ nữ di cư là do người khác gợi ý và việc di cư của phụ nữ thường được bàn bạc và quyết định bởi gia đình và người chồng.

Khó khăn lớn nhất mà người di cư phải đối mặt trước khi quyết định di cư Hà Nội là thu xếp việc chăm sóc con cái. Phụ nữ gặp khó khăn nhiều hơn nam giới, người đã kết hôn gặp khó khăn nhiều hơn người chưa kết hôn. Người di cư trẻ nhất gặp khó khăn ít nhất. Người di cư thường giải quyết những khó khăn của mình tại quê nhà chứ không giải quyết khó khăn tại Hà Nội. ■

Tài liệu trích dẫn

- Anselmi, D. L. và Law, A. L. 1998. *Question of Gender: Perspectives and Paradoxes*. Boston: McGraw-Hill.
- Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương. 1991. *Tổng điều tra dân số Việt Nam 1989: Kết quả điều tra toàn diện*. Tập 1. Hà Nội.
- Đỗ Thị Bình. 2001. “Mấy vấn đề về vai trò giới trong gia đình nông thôn hiện nay: Qua nghiên cứu trường hợp các xã ở miền Bắc”. Tạp chí *Khoa học về Phụ nữ*. Số 3.
- Phạm Thị Huệ. 2007. “Quyền lực của vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”. Tạp chí *Xã hội học*. Số 3/2007.
- Tổng cục thống kê. 2001. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999: Kết quả*